

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định mức giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đến điểm tập kết trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

Căn cứ Luật giá năm 2012;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá; số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ; số 32/2019/NĐ-CP ngày 14/10/2019 quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp tính giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 15/VBHN-BTC ngày 24/5/2017 của Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 14/2017/TT-BXD ngày 28/12/2017 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định và quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị;

Căn cứ Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06/11/2019 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện;

Căn cứ Kết luận số 121/TB-UBND ngày 30/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh tại phiên họp UBND tỉnh thường kỳ tháng 12/2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 523/TTr-STNMT ngày 17/12/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng và nguyên tắc áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đến điểm tập kết trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Hộ gia đình, tổ chức, cá nhân thuộc khu vực đô thị, khu vực nông thôn phát sinh rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

c) Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý nhà nước về giá đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đến điểm tập kết trên địa bàn tỉnh.

3. Nguyên tắc áp dụng

a) Các hộ gia đình, cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phát sinh rác thải sinh hoạt chi trả tiền dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đến điểm tập kết.

b) Các hộ gia đình thuộc diện nghèo được cấp giấy chứng nhận hộ nghèo, người già neo đơn được miễn chi trả tiền dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đến điểm tập kết.

c) Trong thời gian nghỉ hè các trường học, nhà trẻ không phải nộp tiền dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đến điểm tập kết.

d) Các hộ gia đình, tổ chức, cá nhân thực hiện việc phân loại và xử lý rác thải hữu cơ tại nguồn được giảm ít nhất 50% tiền dịch vụ thu gom, vận chuyển theo quy định khi có xác nhận của địa phương.

đ) Trường hợp một đối tượng thuộc diện áp dụng nhiều mức thu thì chỉ áp dụng mức thu cao nhất.

Điều 2. Mức giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đến điểm tập kết trên địa bàn tỉnh

| Số TT | Đối tượng thu | Đơn vị tính | Mức giá (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) |
|-------|---|------------------|--|
| (1) | (2) | (3) | (4) |
| 1 | Hộ gia đình, phòng trọ: - Thuộc phường, thị trấn - Thuộc xã | đồng/người/tháng | 10.000 7.000 |

| | | | |
|---|--|--------------------------|---|
| 2 | Hộ kinh doanh dịch vụ ăn uống | đồng/hộ/tháng | 120.000 |
| 3 | Hộ kinh doanh, buôn bán nhỏ khác | đồng/hộ/tháng | 60.000 |
| 4 | Trụ sở cơ quan hành chính | đồng/đơn vị/tháng | 120.000 |
| 5 | Nhà ga, bến xe, trường học, trung tâm thương mại, siêu thị, chợ, cơ sở y tế, bệnh viện, trại giam, ký túc xá, doanh nghiệp, khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng kinh doanh dịch vụ ăn uống | đồng/tấn | 834.000 |
| | | hoặc đồng/m ³ | 350.000 |
| 6 | Đối với các công trình xây dựng | đồng/tấn | 834.000 |
| | | hoặc đồng/m ³ | 350.000 (hoặc 0,05 % giá trị xây lắp công trình) |

*** Ghi chú:**

- Đơn vị tính: $1m^3$ rác = 0,42 tấn rác (dùng cho các đối tượng Nhà ga, bến xe, trường học, trung tâm thương mại, siêu thị, chợ, cơ sở y tế, bệnh viện, trại giam, ký túc xá, doanh nghiệp, khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng kinh doanh dịch vụ ăn uống và các công trình xây dựng).

- Mức giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đến điểm tập kết trên địa bàn tỉnh nêu trên đã bao gồm chi phí nhân công, chi phí quản lý chung, lợi nhuận định mức và thuế giá trị gia tăng; các công việc quét dọn, thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đến điểm tập kết.

- Đối với các đối tượng Nhà ga, bến xe, trường học, trung tâm thương mại, siêu thị, chợ, cơ sở y tế, bệnh viện, trại giam, ký túc xá, doanh nghiệp, khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng kinh doanh dịch vụ ăn uống và các công trình xây dựng, mức giá dịch vụ đã bao gồm tiền thu gom, vận chuyển và xử lý bằng công nghệ đốt (tiền vận chuyển là 154.000 đồng/tấn chiếm 18,5%, tiền xử lý bằng công nghệ đốt là 448.000 đồng/tấn chiếm 53,5%).

Điều 3. Cơ chế thu, chi dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt

1. UBND cấp xã hoặc đơn vị, tổ chức được giao thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt thực hiện việc thu tiền sử dụng dịch vụ từ chủ nguồn thải định kỳ hàng tháng; Việc thu tiền sử dụng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt phải có biên lai, hóa đơn thu theo quy định; phải có hợp đồng giữa tổ chức thu tiền dịch vụ với người sử dụng dịch vụ.

2. Sau khi thu giá dịch vụ của các đối tượng Nhà ga, bến xe, trường học, trung tâm thương mại, siêu thị, chợ, cơ sở y tế, bệnh viện, trại giam, ký túc xá, doanh nghiệp, khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng kinh doanh dịch vụ ăn uống và các công trình xây dựng, đơn vị được giao thực hiện thu giá dịch vụ phải trích nộp 18,5% tiền vận chuyển từ điểm tập kết đến khu xử lý và 53,5% tiền xử lý trên tổng số tiền thu theo tỷ lệ trong cơ cấu giá để chi trả cho đơn vị vận chuyển, xử lý.

3. UBND cấp xã hoặc đơn vị, tổ chức được giao thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt phải có hợp đồng với người trực tiếp tham gia thu gom, vận chuyển rác thải; chi trả tiền nhân công, trang bị bảo hộ lao động cũng như chi trả các chế độ bảo hiểm cho người lao động theo quy định từ nguồn thu.

Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất và xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan hướng dẫn việc thực hiện thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đến điểm tập kết; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện.

2. Sở Tài chính

Hướng dẫn UBND cấp huyện, cấp xã và các đơn vị có liên quan thực hiện việc thu, chi từ giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đến điểm tập kết trên địa bàn; việc trích nộp tiền vận chuyển, xử lý thu từ các đối tượng Nhà ga, bến xe, trường học, trung tâm thương mại, siêu thị, chợ, cơ sở y tế, bệnh viện, trại giam, ký túc xá, doanh nghiệp, khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng kinh doanh dịch vụ ăn uống và các công trình xây dựng.

3. Cục Thuế tỉnh

Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đến điểm tập kết trong việc sử dụng chứng từ thu; đăng ký, kê khai và nộp các khoản thuế vào ngân sách nhà nước theo quy định.

4. UBND cấp huyện

a) Xây dựng mức thu cụ thể của địa phương trên cơ sở thu đáp ứng được chi phí (hợp lý, hợp lệ) theo quy định, không quá mức giá tối đa quy định tại quyết định này; Tổ chức triển khai, hướng dẫn cho các đơn vị được giao thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn.

b) Quy định điểm tập kết, lộ trình thu gom rác thải sinh hoạt cụ thể đối với từng khu vực dân cư; Yêu cầu các đơn vị dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt thực hiện theo đúng lộ trình thu gom, vận chuyển.

c) Chỉ đạo các phòng, ban có liên quan, UBND các xã, phường, thị trấn thường xuyên kiểm tra, giám sát chặt chẽ khối lượng phát sinh chất thải rắn sinh hoạt tại các hộ kinh doanh, tổ chức, cá nhân; thực hiện thống kê dữ liệu về các đối tượng Nhà ga,

bến xe, trường học, trung tâm thương mại, siêu thị, chợ, cơ sở y tế, bệnh viện, trại giam, ký túc xá, doanh nghiệp, khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng kinh doanh dịch vụ ăn uống và các công trình xây dựng trên địa bàn để làm cơ sở quản lý.

d) Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt theo địa bàn quản lý; chấn chỉnh kịp thời và có biện pháp xử lý đối với các sai phạm của tổ chức, cá nhân, đơn vị có hoạt động dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt; tổ chức kiểm tra công tác thu, chi giá dịch vụ đối với các đơn vị được giao nhiệm vụ thu giá dịch vụ trên địa bàn; việc trích nộp tiền vận chuyển từ điểm tập đến khu xử lý và tiền xử lý của đơn vị thu giá dịch vụ đối với các đối tượng nhà ga, bến xe, trường học, trung tâm thương mại, siêu thị, chợ, cơ sở y tế, bệnh viện, trại giam, ký túc xá, doanh nghiệp, khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng kinh doanh dịch vụ ăn uống và công trình xây dựng.

đ) Hàng năm, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt; công tác thu, chi giá dịch vụ đối với các đơn vị được giao nhiệm vụ thu giá dịch vụ trên địa bàn quản lý về UBND tỉnh thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường.

5. UBND cấp xã

a) Trực tiếp chỉ đạo việc thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đến điểm tập kết theo lộ trình đã được UBND cấp huyện phê duyệt.

b) Thực hiện thông báo công khai (kể cả niêm yết) về đối tượng thuộc diện phải chi trả tiền dịch vụ, mức giá và các thủ tục thu, nộp tiền dịch vụ theo quy định; Ký hợp đồng với người trực tiếp tham gia thu gom, vận chuyển rác thải.

c) Tổ chức thu và hạch toán kế toán đối với khoản thu, chi giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải theo đúng quy định hiện hành.

6. Đơn vị, tổ chức thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đến điểm tập kết

a) Thực hiện thông báo công khai (kể cả niêm yết) về đối tượng thuộc diện phải chi trả tiền dịch vụ, mức giá và các thủ tục thu, nộp tiền dịch vụ theo quy định.

b) Tổ chức thu và hạch toán kế toán đối với khoản thu, chi giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải theo đúng quy định hiện hành.

c) Khi thu tiền phải cấp phiếu thu cho đối tượng nộp tiền theo quy định và thu đúng theo mức giá đã niêm yết hoặc thông báo.

d) Thực hiện thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt theo đúng hợp đồng đã ký kết, cam kết đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15/01/2021 và thay thế Quyết định số 40/2017/QĐ-UBND ngày 27/12/2017 của UBND tỉnh quy định mức giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đến điểm tập kết trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

2. Trong quá trình thực hiện Quyết định này nếu có khó khăn, vướng mắc, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh điều chỉnh cho phù hợp.

3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường; Cục thuế tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. / *Quang*

Nơi nhận

- Như Điều 5;
- Các Bộ: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- TTTU, TTHĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các đ/c thành viên UBND tỉnh;
- HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Bắc Ninh, Đài PTTH tỉnh; TT Công báo tỉnh, Cổng TTĐT tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, NN.TN, KTTH, XDCB.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Quang
Đào Quang Khải